

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2019.

V/v: xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Trần Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa:* Bà Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06-6-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị B**, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 229 ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Danh Sa L**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: số 84 ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Chị B có mặt, anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị B trình bày:**

Chị và anh Danh Sa L tự quen nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phi Thông, thành phố G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-11-2011.

Lý do xin ly hôn: Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau này thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, luôn bất đồng ý kiến, anh L thường chơi cờ bạc chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi từ đó tình cảm rạn nứt. Vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2014 đến nay nhưng vẫn không đoàn tụ được. Do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh Sa L.

Về con chung: vợ chồng có 01 người con chung tên Danh Ngọc Lâm, sinh ngày 25-8-2012 hiện đang sống với chị. Chị B yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị B có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị B yêu cầu ly hôn với anh Sa L vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị B yêu cầu được nuôi người con chung tên Danh Ngọc Lâm, sinh ngày 25-8-2012, chị B rút yêu cầu đối với vấn đề cấp dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Danh Sa L không có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa bị đơn anh Danh Sa L vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát B quan điểm:

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị B và đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của chị B đối với anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 28; Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Danh Sa L đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân xã Phi Thông, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-11-2011 phù hợp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị B cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, có khi anh L còn mê chơi cờ bạc mặc dù chị đã khuyên can nhưng không được. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh L vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị B và anh Sa L đã tự ly thân từ năm 2014 cho đến nay vẫn không đoàn tụ được.

Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Sa L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh Sa L.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị B được trực tiếp nuôi người con chung tên cháu Danh Ngọc Lâm, sinh ngày 25-8-2012. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi chị B và anh Sa L ly thân đến nay cháu Lâm vẫn được chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, cần cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm. Tại phiên tòa chị B rút yêu cầu đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu này hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận.

Anh Sa L có quyền, nghĩa vụ qua lại, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Sa L nhưng anh Sa L hoàn toàn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu sau này anh Sa L có tranh chấp về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Buộc chị Thị B phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001471 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 244, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9 và 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn và nuôi con của chị Thị B đối với anh Danh Sa L.

Tuyên bố chị Thị B được ly hôn với anh Danh Sa L.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Ngọc Lâm, sinh ngày 25-8-2012 cho chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Sa L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Thị B đối với anh Danh Sa L.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị B phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001471 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-6-2019). Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

